

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỖ ĐIỆN BẮC HÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
o0o

Số: 221 /18/BHHC-TCHC
V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát
xét năm 2018.

Bắc Hà, ngày 07 tháng 08 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỖ ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Thập
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0983078545
Loại công bố thông tin:

- | | |
|-------------------------------------|--------------|
| <input type="checkbox"/> | 24 giờ |
| <input type="checkbox"/> | 72 giờ |
| <input type="checkbox"/> | Bất thường |
| <input type="checkbox"/> | Theo yêu cầu |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Định kỳ |

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2018.
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ngày 07/08/2018 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP HĐQT;
- Lưu TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thập

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018**

11

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Bà Lê Thị Quỳnh Chi	Ủy viên
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thập	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 8 năm 2018

Số: *NSG* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 8 năm 2018, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty hạch toán tiền chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tài nguyên) của các năm trước vào chi phí kỳ này với số tiền khoảng 4 tỷ VND. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" thì khoản mục "Chi phí khác" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm khoảng 4 tỷ đồng và "Lỗi kế toán trước thuế" cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ giảm với số tiền tương ứng, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" và khoản mục "(Lỗ) lũy kế" tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên bảng cân đối kế toán sẽ tăng khoảng 4 tỷ đồng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 20 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 83 tỷ VND). Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 vì hai bên chưa thống nhất được số liệu. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin tài chính có liên quan đến các khoản lãi có thể phát sinh này. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 173,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 khoảng 230,1 tỷ VND), lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 khoảng 80,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 32,8 tỷ VND). Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 8 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.467.287.392	73.983.184.221
I. Tiền	110	4	789.999.967	1.499.653.678
1. Tiền	111		789.999.967	1.499.653.678
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.677.287.425	72.483.530.543
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	57.835.579.845	57.754.496.821
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.125.423.513	5.255.236.437
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.716.284.067	9.473.797.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.024.156.414.524	2.069.250.049.867
I. Tài sản cố định	220		2.024.037.718.473	2.069.013.548.129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.024.037.718.473	2.069.013.548.129
- Nguyên giá	222		2.594.585.394.656	2.589.716.833.705
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(570.547.676.183)	(520.703.285.576)
II. Tài sản dài hạn khác	260		118.696.051	236.501.738
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		118.696.051	236.501.738
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.102.623.701.916	2.143.233.234.088

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.523.284.708.579	1.526.054.819.019
I. Nợ ngắn hạn	310		252.146.461.014	304.168.644.367
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	48.645.915.316	160.496.722.057
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	34.217.669.505	30.415.540.244
3. Phải trả người lao động	314		1.093.772.119	993.285.155
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	58.384.923.536	12.276.979.848
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	7.800.180.538	2.982.117.063
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	102.004.000.000	97.004.000.000
II. Nợ dài hạn	330		1.271.138.247.565	1.221.886.174.652
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	11	54.120.000.000	54.120.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	1.217.018.247.565	1.167.766.174.652
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		579.338.993.337	617.178.415.069
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	579.338.993.337	617.178.415.069
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	650.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	650.000.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	421		(80.661.006.663)	(32.821.584.931)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(32.821.584.931)	(95.992.802.895)
- (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(47.839.421.732)	63.171.217.964
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.102.643.701.916	2.143.233.234.088

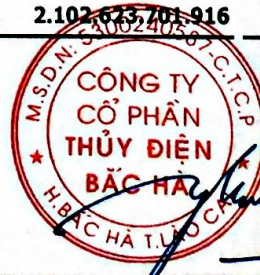
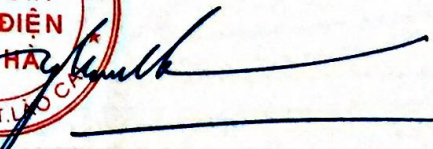


Tổng Văn Long
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 8 năm 2018



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

506
T
H
T
A
A

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	16	81.949.718.017	64.212.205.896
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		81.949.718.017	64.212.205.896
3. Giá vốn hàng bán	11	17	56.645.640.776	56.962.160.129
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		25.304.077.241	7.250.045.767
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		507.699.096	2.209.384
6. Chi phí tài chính	22	19	63.728.956.348	69.017.383.053
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.471.043.230	67.661.335.808
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	5.301.736.090	4.716.500.795
8. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(43.218.916.101)	(66.481.628.697)
9. Thu nhập khác	31		19.721.545	140.228.237
10. Chi phí khác	32	21	4.640.227.176	974.046.841
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(4.620.505.631)	(833.818.604)
12. (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
14. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
15. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(735)	(1.036)



Tổng Văn Long
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 8 năm 2018



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.844.390.607	49.169.419.734
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	1.329.598.371
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(9.819.363)	(2.209.384)
- Chi phí lãi vay	06	63.471.043.230	67.661.335.808
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65.466.192.742	50.842.697.228
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(5.056.447.882)	8.692.418.261
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.019.649.952	4.215.969.661
- Thay đổi chi phí trả trước	12	117.805.687	(163.186.807)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(17.463.364.794)	(11.213.056.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.083.835.705	52.374.841.950
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(117.055.381.692)	(20.678.953.447)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.819.363	2.209.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(117.045.562.329)	(20.676.744.063)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	10.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	99.587.072.913	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(45.335.000.000)	(32.166.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	64.252.072.913	(32.166.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(709.653.711)	(467.902.113)
Tiền đầu kỳ	60	1.499.653.678	627.232.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	789.999.967	159.329.925



Tổng Văn Long
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 8 năm 2018



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300240587 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Licogi – Công ty Cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và giao dịch trên sàn UPCOM với mã BHA từ ngày 02 tháng 8 năm 2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 83 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 84).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện nhỏ và vừa;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện;
- Tiếp nhận vận tải, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng;
- Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch;
- Đầu tư tài chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét và đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 27.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 173,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 230,1 tỷ VND), lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 khoảng 80,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 32,8 VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 12 tháng tới như sau:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty là lãi khoảng 63 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần là khoảng 29 tỷ đồng, trong đó Công ty dự kiến 6 tháng cuối năm 2018 lãi khoảng 110 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đang trong lộ trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải	12 - 20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 80,6 tỷ VND, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	224.028.136	107.448.961
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	565.971.831	1.392.204.717
	789.999.967	1.499.653.678

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	57.835.579.845	57.754.496.821
	57.835.579.845	57.754.496.821

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.587.592.240	4.070.727.740
Các khoản khác	1.537.831.273	1.184.508.697
	6.125.423.513	5.255.236.437
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	4.587.592.240	4.070.727.740

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.973.583.568	3.185.067.956
Phải thu khác	10.742.700.499	6.288.729.329
	13.716.284.067	9.473.797.285

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1.665.722.316.618	817.433.375.182	106.561.141.905	2.589.716.833.705
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.868.560.951	-	-	4.868.560.951
Số dư cuối kỳ	<u>1.670.590.877.569</u>	<u>817.433.375.182</u>	<u>106.561.141.905</u>	<u>2.594.585.394.656</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	184.293.660.771	292.077.629.404	44.331.995.401	520.703.285.576
Khấu hao trong kỳ	18.756.315.283	25.869.275.342	5.218.799.982	49.844.390.607
Số dư cuối kỳ	<u>203.049.976.054</u>	<u>317.946.904.746</u>	<u>49.550.795.383</u>	<u>570.547.676.183</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư cuối kỳ	<u>1.467.540.901.515</u>	<u>499.486.470.436</u>	<u>57.010.346.522</u>	<u>2.024.037.718.473</u>
Số dư đầu kỳ	<u>1.481.428.655.847</u>	<u>525.355.745.778</u>	<u>62.229.146.504</u>	<u>2.069.013.548.129</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 2.270.224.348.643 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.083.224.862 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 (i)	20.476.680.203	20.476.680.203	83.055.860.731	83.055.860.731
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh	6.770.111.250	6.770.111.250	22.953.111.250	22.953.111.250
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	5.532.175.616	5.532.175.616	15.523.542.808	15.523.542.808
Xí nghiệp khảo sát xây dựng điện 1	3.811.590.963	3.811.590.963	4.811.590.963	4.811.590.963
Công ty Cổ phần LICOGI 14	3.062.612.929	3.062.612.929	4.062.612.929	4.062.612.929
Công ty Cổ phần LILAMA 10	1.081.746.185	1.081.746.185	6.381.746.185	6.381.746.185
Công ty Tư vấn điện I	619.197.375	619.197.375	2.619.197.375	2.619.197.375
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước LICOGI	395.317.561	395.317.561	3.249.964.946	3.249.964.946
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt	17.165	17.165	9.447.298.134	9.447.298.134
Các đối tượng khác	6.896.466.069	6.896.466.069	8.391.796.736	8.391.796.736
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	48.645.915.316	48.645.915.316	160.496.722.057	160.496.722.057
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	15.760.217.356		45.789.231.933	

(i) Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 20 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 83 tỷ VND). Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 vì hai bên chưa thống nhất được số liệu.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	14.769.002.649	10.484.116.600	8.574.268.227	16.678.851.022
Thuế thu nhập cá nhân	57.811.748	92.940.740	131.021.157	19.731.331
Thuế tài nguyên	11.211.554.258	4.454.257.145	8.529.057.168	7.136.754.235
Thuế bảo vệ môi trường	4.377.171.589	8.558.789.088	2.553.627.760	10.382.332.917
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	30.415.540.244	23.593.103.573	19.790.974.312	34.217.669.505



11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Ngắn hạn	58.384.923.536	12.276.979.848
Lãi vay phải trả	57.852.127.361	11.844.448.925
Chi phí phải trả khác	532.796.175	432.530.923
b. Dài hạn	54.120.000.000	54.120.000.000
Lãi vay phải trả ân hạn (i)	54.120.000.000	54.120.000.000
	112.504.923.536	66.396.979.848

(i) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với số tiền là 54.120.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12 năm 2020, khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện (i)	3.535.447.023	2.881.143.901
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp	3.802.224.500	-
Các khoản phải trả khác	462.509.015	100.973.162
	7.800.180.538	2.982.117.063

(i) Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện tháng 6 năm 2018 (Số đầu kỳ của tháng 12 năm 2017) chưa phát hành hóa đơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09a-DN

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số đầu kỳ		Biến động trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	97.004.000.000	97.004.000.000	50.335.000.000	45.335.000.000	102.004.000.000	102.004.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	65.000.000.000	65.000.000.000	37.000.000.000	32.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	32.004.000.000	32.004.000.000	13.335.000.000	13.335.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000
	97.004.000.000	97.004.000.000	50.335.000.000	45.335.000.000	102.004.000.000	102.004.000.000

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Biến động trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	853.698.469.787	853.698.469.787	99.587.072.913	32.000.000.000	921.285.542.700	921.285.542.700
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	411.071.704.865	411.071.704.865	-	13.335.000.000	397.736.704.865	397.736.704.865
	1.264.770.174.652	1.264.770.174.652	99.587.072.913	45.335.000.000	1.319.022.247.565	1.319.022.247.565

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
(chi tiết xem Thuyết minh số 13)

- Số phải trả sau 12 tháng

97.004.000.000

1.167.766.174.652

102.004.000.000

1.217.018.247.565

- (i) Ngày 30 tháng 10 năm 2006, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTĐ-BH/2006 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với số tiền vay là 844 tỷ VND. Thời hạn vay là 162 tháng kể từ ngày ký và ngày giải ngân khoản vay đầu tiên theo khế ước nhận nợ. Thời hạn ân hạn là 42 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mức lãi suất áp dụng cho số dư nợ gốc của các khoản vay trong mỗi kỳ hạn tính lãi là tỷ lệ phần trăm theo năm bằng tổng của lãi suất huy động tiết kiệm bình quân và lãi suất biên là 3,6%/năm. Ngày 29 tháng 12 năm 2012, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 07/PLTD-BH/2012 về việc tăng hạn mức tín dụng và cơ cấu nợ vay, hạn mức tín dụng mới là 1.009.000.000.000 VND. Ngày 30 tháng 5 năm 2013, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 08/PLTD-BH/2013 về việc cơ cấu nợ, gia hạn và điều chỉnh lại số tiền và thời gian trả nợ gốc, lãi. Ngày 30 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 09/PLHD-BH/2015 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi. Ngày 12 tháng 12 năm 2017, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLHD-BH/2017 về tăng hạn mức tín dụng và điều chỉnh lịch trả nợ, hạn mức tín dụng mới là 1.129.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Lào Cai theo hai hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HĐSD ngày 09 tháng 7 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HĐSD ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HĐSD ngày 29 tháng 6 năm 2012. Các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04/2012/HĐSDBS ngày 03 tháng 7 năm 2012, số 05/2013/HĐSDBS ngày 06 tháng 3 năm 2013 và số 06/2013/HĐTĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 156 tỷ VND, cho mục đích đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng; mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Thời hạn cho vay là 168 tháng (14 năm) kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ (ngày 31 tháng 10 năm 2007). Thời hạn ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm tính trên dư nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 11,7%/năm.

- Ngày 13 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng vay số 02/2009 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 315 tỷ VND cho mục đích đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu theo kế ước nhận nợ, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất nợ trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2009/HĐSD ngày 10 tháng 9 năm 2009 thay đổi về điều khoản giải ngân của Hợp đồng số 02/2009. Ngày 31 tháng 8 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bổ sung số 01/2011/HĐTD ĐTBС-NHPT với các điều khoản vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng vay số 02/2009.

Công ty đã thể chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trong vòng một năm	102.004.000.000	97.004.000.000
Trong năm thứ hai	113.004.000.000	107.004.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	385.012.000.000	376.012.000.000
Sau năm năm	719.002.247.565	684.750.174.652
	1.319.022.247.565	1.264.770.174.652
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	102.004.000.000	97.004.000.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	650.000.000.000	(95.992.802.895)	554.007.197.105
Lợi nhuận trong năm	-	63.171.217.964	63.171.217.964
Số dư đầu kỳ này	650.000.000.000	(32.821.584.931)	617.178.415.069
Tăng vốn trong kỳ (i)	10.000.000.000	-	10.000.000.000
(Lỗ) trong kỳ	-	(47.839.421.732)	(47.839.421.732)
Số dư cuối kỳ này	660.000.000.000	(80.661.006.663)	579.338.993.337

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ bảy ngày 07 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 660.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000	286.576.070.000
Công ty Cổ phần Hưng Doanh Việt	166.000.000.000	25,15%	166.000.000.000	166.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	60.953.620.000	9,24%	60.953.620.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	58.500.000.000	8,86%	58.500.000.000	58.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Mặt trời Mới	47.757.620.000	7,24%	47.757.620.000	43.266.000.000
Các cổ đông khác	35.657.930.000	5,40%	35.657.930.000	35.657.930.000
	660.000.000.000	100%	660.000.000.000	650.000.000.000

Cổ phiếu

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG

DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Doanh thu điện phát lưới	81.949.718.017	64.212.205.896

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Giá vốn phát điện	56.645.640.776	56.962.160.129
	56.645.640.776	56.962.160.129

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nhân công	9.176.008.026	8.337.535.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.844.390.607	49.169.419.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.458.673	3.008.133.194
Chi phí khác bằng tiền	2.723.519.560	1.163.572.313
	61.947.376.866	61.678.660.924

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	63.471.043.230	67.661.335.808
Khác	257.913.118	1.356.047.245
	63.728.956.348	69.017.383.053

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.677.499.974	3.253.299.585
Chi phí bằng tiền khác	1.624.236.116	1.463.201.210
	5.301.736.090	4.716.500.795

21. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí chậm nộp thuế (i)	4.540.671.476	974.046.841
Chi khí khác	99.555.700	-
	4.640.227.176	974.046.841

(i) Chi phí chậm nộp thuế phản ánh chi phí phạt chậm nộp của các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tài nguyên) theo thông báo của cơ quan thuế. Chi phí chậm nộp thuế này bao gồm khoảng 4 tỷ là chi phí chậm nộp thuế của các năm trước.

250
G 7
M H
IT
NA
TP

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lãi/(lỗ) trước thuế	(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ thu nhập không chịu thuế	-	-
Chuyển (lỗ)	(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

23. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
(Lỗ) trong kỳ (VND)	(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
Số trích quỹ khen thưởng (VND)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(47.839.421.732)	(67.315.447.301)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	65.105.556	65.000.000
(LỖ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(735)	(1.036)

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 9 năm 2008 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Công ty thuê diện tích 8.568.177 m² đất tại các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai để xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Tiền thuê đất sẽ được thanh toán hàng năm theo đơn giá của cơ quan thuế, thời gian thuê theo Hợp đồng là từ ngày 13 tháng 9 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Căn cứ vào Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được miễn tiền thuê đất từ tháng 9 năm 2007 đến hết tháng 8 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

7/5
 Y
 NH
 TE
 M
 HA

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty LICOGI - CTCP ("Licogi")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần LICOGI 1	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con cùng Tổng Công ty

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Mua hàng	-	65.454.546
Tổng Công ty LICOGI - CTCP ("Licogi")	-	65.454.546

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Trả trước cho người bán	4.587.592.240	4.070.727.740
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.587.592.240	4.070.727.740
Phải trả người bán	15.760.217.356	45.789.231.933
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh	6.770.111.250	22.953.111.250
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	5.532.175.616	15.523.542.808
Công ty Cổ phần LICOGI 14	3.062.612.929	4.062.612.929
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	395.317.561	3.249.964.946
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.044.609.722
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	-	3.044.609.722

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	489.358.187	494.540.072

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ đã bao gồm số tiền 121.496.809.875 đồng, là số tiền trả cho người bán dư đầu kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

27. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước có sai sót đã được Công ty điều chỉnh hồi tố, cụ thể như sau:

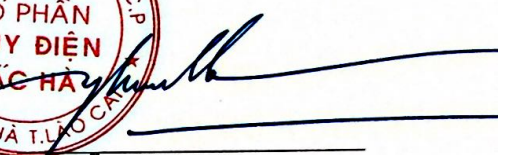
Chi tiêu	Mã số	Số đầu năm (Trước điều chỉnh lại)	Điều chỉnh hồi tố	Số đầu năm (Sau điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng	01	69.884.794.399	(5.672.588.503)	64.212.205.896
Doanh thu thuần về bán hàng	10	69.884.794.399	(5.672.588.503)	64.212.205.896
Giá vốn hàng bán	11	62.634.748.632	(5.672.588.503)	56.962.160.129



Tổng Văn Long
Người lập biểu



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 8 năm 2018